

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**



**MÔN: TRIẾT HỌC MAC- LÊNIN**

**Đề tài 2: “ Vận dụng quan điểm của Chủ nghĩa duy vật biện chứng về  
“Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến” hãy phân tích những ảnh hưởng của  
Covid -19 đối với việc học tập và rèn luyện của sinh viên hiện nay.”**

**Họ và tên: Nguyễn Trọng Tấn**

**Lớp: CNTT 14-02**

**MSV:1451020207**

**HÀ NỘI, NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 2021**

## **MỤC LỤC**

### **LỜI MỞ ĐẦU**

### **NỘI DUNG**

#### **I. CƠ SỞ LÝ LUẬN**

**1.khái quát về mối quan hệ biện chứng về “ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến”**

**2.Ý nghĩa phương pháp luận “ nguyên lý mối liên hệ phổ biến”**

#### **II. ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI VIỆC HỌC TẬP RÈN LUYỆN SINH VIÊN HIỆN NAY**

#### **III. GIẢI PHÁP ĐỂ HỌC TẬP TÍCH CỰC CUCAR SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

#### **KẾT LUẬN**

## **MỞ ĐẦU:**

Cuộc sống luôn luôn vận động và con người phải thay đổi để thích nghi với hoàn cảnh mới. Thế giới đang có sự biến đổi không ngừng, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Để thích ứng với xu hướng đó đòi hỏi chúng ta phải có một “ nội lực” đủ mạnh, một “ tâm thế” vững vàng mới hội nhập tốt, nhằm đưa đất nước sánh vai với bạn bè quốc tế. Trong đó sinh viên là người đi tiên phong trên mọi lĩnh vực. Sinh viên Đại học Đại Nam không thể đứng ngoài cuộc. Vì vậy việc vận dụng quy luật lượng –chất vào việc nghiên cứu, học tập và rèn luyện của sinh viên , để giúp các em sinh viên có định hướng đúng đắn trong học tập, phần nào biết được nhiệm vụ, trách nhiệm lớn lao của mình là một việc làm cần thiết.

## NỘI DUNG

### I. CƠ SỞ LÝ LUẬN

#### 1.khái quát về mối quan hệ biện chứng về “ nguyên lý về mối liên hệ phổ biến”

##### 1.1. Khái niệm mối liên hệ, mối liên hệ phổ biến

Trong phép biện chứng, khái niệm mối liên hệ dùng để chỉ sự quy định, sự tác động và chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng, hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sự vật, hiện tượng trong thế giới; còn khái niệm mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng của thế giới, đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở nhiều sự vật, hiện tượng của thế giới, trong đó những mối liên hệ phổ biến nhất là những mối liên hệ tồn tại ở mọi sự vật, hiện tượng của thế giới, nó thuộc đối tượng nghiên cứu của phép biện chứng. Đó là các mối liên hệ giữa các mặt đối lập, lượng và chất, khẳng định và phủ định, cái chung và cái riêng, bản chất và hiện tượng, v.v.. Như vậy, giữa các sự vật, hiện tượng của thế giới vừa tồn tại những mối liên hệ đặc thù, vừa tồn tại những mối liên hệ phổ biến ở những phạm vi nhất định. Đồng thời, cũng tồn tại những mối liên hệ phổ biến nhất, trong đó những mối liên hệ đặc thù là sự thể hiện những mối liên hệ phổ biến trong những điều kiện nhất định. Toàn bộ những mối liên hệ đặc thù và phổ biến đó tạo nên tính thống nhất trong tính đa dạng và ngược lại, tính đa dạng trong tính thống nhất của các mối liên hệ trong giới tự nhiên, xã hội và tư duy.

##### 1.2.Tính chất của các mối liên hệ

Tính khách quan, tính phổ biến và tính đa dạng, phong phú là những tính chất cơ bản của các mối liên hệ.

###### **- Tính khách quan của các mối liên hệ**

Theo quan điểm biện chứng duy vật, các mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng của thế giới là có tính khách quan. Theo quan điểm đó, sự quy định, tác động và làm chuyển hóa lẫn nhau của các sự vật, hiện tượng (hoặc trong bản thân chúng) là cái vốn có của nó, tồn tại độc lập không phụ thuộc vào ý chí của con người; con người chỉ có thể nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.

###### **- Tính phổ biến của các mối liên hệ**

Theo quan điểm biện chứng thì không có bất cứ sự vật, hiện tượng hay quá trình nào tồn tại tuyệt đối biệt lập với các sự vật, hiện tượng hay quá trình khác. Đồng thời, cũng không có bất cứ sự vật, hiện tượng nào không phải là một cấu trúc hệ thống, bao gồm những yếu tố cấu thành với những mối liên hệ bên trong của nó, tức là bất cứ một tồn tại nào cũng là một hệ thống, hơn nữa là hệ thống mở, tồn tại trong mối liên hệ với hệ thống khác, tương tác và làm biến đổi lẫn nhau.

###### **- Tính đa dạng, phong phú của mối liên hệ Quan điểm biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin**

không chỉ khẳng định tính khách quan, tính phổ biến của các mối liên hệ mà còn nhấn mạnh tính phong phú, đa dạng của các mối liên hệ. Tính đa dạng, phong phú của các mối liên hệ được thể hiện ở chỗ: các sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có những mối liên hệ cụ thể khác nhau, giữ vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó; mặt khác, cùng một mối liên hệ nhất định của sự vật, hiện tượng nhưng trong những điều kiện cụ thể khác nhau, ở những giai đoạn khác nhau trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng thì cũng có những tính chất và vai trò khác nhau. Như vậy, không thể đồng nhất tính chất và vị trí, vai trò cụ thể của các mối liên hệ khác nhau đối với mỗi sự vật, hiện tượng nhất định, trong những điều kiện xác định. Đó là các mối liên hệ bên trong và bên ngoài, mối liên hệ bản chất và hiện tượng, mối liên hệ chủ yếu và thứ yếu, mối liên hệ trực tiếp và gián tiếp, v.v. của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới.

Quan điểm về tính phong phú, đa dạng của các mối liên hệ còn bao hàm quan niệm về sự thể hiện phong phú, đa dạng của các mối liên hệ phổ biến ở các mối liên hệ đặc thù trong mỗi sự vật, mỗi hiện tượng, mỗi quá trình cụ thể, trong những điều kiện không gian và thời gian cụ thể

## **2. Ý nghĩa phương pháp luận “nguyên lý mối liên hệ phổ biến”**

- Từ tính khách quan và phổ biến của các mối liên hệ đã cho thấy trong hoạt động nhận thức và thực tiễn cần phải có quan điểm toàn diện.

Quan điểm toàn diện đòi hỏi trong nhận thức và xử lý các tình huống thực tiễn cần phải xem xét sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ biện chứng qua lại giữa các bộ phận, giữa các yếu tố, giữa các mặt của chính sự vật, hiện tượng và trong sự tác động qua lại giữa sự vật, hiện tượng đó với các sự vật, hiện tượng khác. Chỉ trên cơ sở đó mới có thể nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng và xử lý có hiệu quả các vấn đề của đời sống thực tiễn. Như vậy, quan điểm toàn diện đối lập với quan điểm phiến diện, siêu hình trong nhận thức và thực tiễn.

V.I. Lênin cho rằng: "Muốn thực sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các mối liên hệ và "quan hệ gián tiếp" của sự vật đó"<sup>1</sup>. - Từ tính chất đa dạng, phong phú của các mối liên hệ đã cho thấy trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, khi thực hiện quan điểm toàn diện thì đồng thời cũng cần phải kết hợp với quan điểm lịch sử - cụ thể.

Quan điểm lịch sử - cụ thể yêu cầu trong việc nhận thức và xử lý các tình huống trong hoạt động thực tiễn cần phải xét đến những tính chất đặc thù của đối tượng nhận thức và tình huống phải giải quyết khác nhau trong thực tiễn. Phải xác định rõ vị trí, vai trò khác nhau của mỗi mối liên hệ cụ thể trong những tình huống cụ thể để từ đó có được những giải pháp đúng đắn và có hiệu quả trong việc xử lý các vấn đề thực tiễn. Như vậy, trong nhận thức và thực tiễn không những cần phải tránh và khắc phục quan điểm phiến diện, siêu hình mà còn

phải tránh và khắc phục quan điểm chiết trung, nguy hiểm

## **II. ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19 ĐỐI VỚI VIỆC HỌC TẬP RÈN LUYỆN SINH VIÊN HIỆN NAY**

Đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo của sinh viên. Theo nhận định của Tổ chức Lao động thế giới (ILO), hơn 70% thanh niên học tập hoặc kết hợp học tập với công việc đã bị ảnh hưởng tiêu cực do việc đóng cửa các trường học, trường đại học và trung tâm đào tạo kể từ khi đại dịch bùng phát.

Báo cáo "sinh viên và COVID-19: Tác động đến việc làm, giáo dục, quyền và sức khỏe tinh thần" của ILO cho biết, 65% sinh viên thừa nhận đã học kém hơn kể từ khi bắt đầu đại dịch do chuyển đổi từ học tại lớp sang học trực tuyến và học từ xa trong thời gian phong tỏa. Mặc dù đã nỗ lực tiếp tục học tập và rèn luyện, nhưng một nửa trong số họ tin rằng, việc học của họ sẽ bị trì hoãn và 9% cho rằng, họ có thể bị trượt.

Tình hình thậm chí còn tồi tệ hơn đối với sinh viên sống ở các nơi có thu nhập thấp hơn, những người có ít quyền truy cập Internet, thiếu thiết bị và đôi khi thiếu không gian ở nhà. Điều này thể hiện rõ “những khoảng cách kỹ thuật số” lớn giữa các khu vực: trong khi 65% thanh niên ở các nước thu nhập cao theo học các lớp được dạy qua video-bài giảng, thì chỉ 18% thanh niên ở các nước thu nhập thấp có thể được tiếp tục học trực tuyến.

Báo cáo của ILO cho rằng, 38% sinh viên không chắc chắn về triển vọng nghề nghiệp trong tương lai của họ khi cuộc khủng hoảng dự kiến sẽ tạo ra nhiều trở ngại hơn trên thị trường lao động và kéo dài thời gian chuyển tiếp từ trường học sang nơi làm việc. Một số đã cảm thấy bị ảnh hưởng trực tiếp, cứ 6 thanh niên thì có 1 người phải ngừng việc kể từ khi đại dịch bùng phát.

Nhiều lao động trẻ tuổi có xu hướng được tuyển dụng vào những công việc bị ảnh hưởng nhiều hơn, chẳng hạn như hỗ trợ, dịch vụ và công việc liên quan đến bán hàng, khiến họ dễ bị tổn thương hơn trước hậu quả kinh tế của đại dịch. Khoảng 42% những người này tiếp tục làm việc cho dù bị giảm thu nhập. Điều này đã ảnh hưởng đến tinh thần của họ. Cuộc khảo sát cho thấy, 50% thanh niên có thể bị lo lắng hoặc trầm cảm, trong khi 17% khác có thể bị ảnh hưởng.

Bất chấp hoàn cảnh khó khăn, những người trẻ tuổi đang dùng sức mình để vận động và lên tiếng trong cuộc chiến chống khủng hoảng. Theo khảo sát, cứ 4 người thì có 1 người đã làm một số công việc tình nguyện trong thời gian xảy ra đại dịch.

Đảm bảo rằng tiếng nói của giới trẻ được lắng nghe là rất quan trọng để đưa ra phản ứng toàn diện hơn đối với cuộc khủng hoảng COVID-19, báo cáo cho biết, việc cho thanh niên có tiếng nói trong việc ra quyết định để trình bày rõ nhu cầu và ý tưởng của họ sẽ cải thiện hiệu quả các chính sách và chương trình, đồng thời mang lại cho thanh niên cơ hội tham gia.

Báo cáo cũng kêu gọi các phản ứng chính sách khẩn cấp, quy mô lớn và có mục tiêu để bảo vệ toàn bộ thế hệ thanh niên khỏi bị đe dọa vĩnh viễn bởi triển vọng việc làm của họ do khủng hoảng. Điều này bao gồm việc tái hội nhập thị trường lao động những người bị mất việc hoặc những người bị giảm giờ làm việc; Đảm bảo thanh niên tiếp cận với trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và các biện pháp nâng cao sức khỏe tâm thần của họ từ hỗ trợ tâm lý xã hội đến hoạt động thể thao cùng với một số biện pháp khác

### **III. GIẢI PHÁP ĐỂ HỌC TẬP TÍCH CỰC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM**

Các giải pháp tăng cường tính tích cực của sinh viên được đưa ra theo từng giai đoạn của quá trình dạy học: Giai đoạn chuẩn bị bài giảng; giai đoạn thực hiện bài giảng; giai đoạn giao nhiệm vụ tự học và đánh giá quá trình tự học.

Trước hết, trong quá trình chuẩn bị bài giảng, người giảng viên phải soạn bài chu đáo phải làm rõ trọng tâm và mối quan hệ logic nội tại của mạch kiến thức bài học, sắp xếp hợp lý hoạt động của giảng viên và sinh viên; chuẩn bị hệ thống câu hỏi phát huy trí lực và phù hợp với khả năng tiếp thu của sinh viên. Trong bài giảng, giảng viên phải chuẩn bị các tình huống có vấn đề, các bước hướng dẫn để sinh viên tự giải quyết, tự đưa ra kết luận cần thiết. Ngoài ra, khi chuẩn bị nội dung bài giảng cũng cần có sự phân hóa kiến thức, coi trọng bồi dưỡng học sinh khá giỏi và kiên trì giúp đỡ học sinh học lực yếu kém. Hơn nữa, để tạo hứng thú học tập cho người học, giảng viên phải chuẩn bị nội dung, hướng dẫn sinh viên liên hệ kiến thức đang học với các bài toán thực tế, có liên hệ liên môn, liên ngành. Mặt khác, để tạo sự sinh động cho bài học, giảng viên có thể lồng ghép các nội dung kiến thức với các dạng trò chơi, cho các thành viên trong lớp có sự cạnh tranh lẫn nhau.

Khi đã có nội dung bài giảng, việc thực hiện bài giảng, nghệ thuật giảng dạy của giảng viên cũng là yếu tố quan trọng kích thích sự tích cực của sinh viên. Trước hết, giảng viên chủ động trong việc sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, chủ động sưu tầm liên hệ thực tế, nắm bắt các kỹ năng và kỹ thuật dạy học cần thiết (kỹ năng sử dụng thiết bị, viết bảng, vẽ hình, kỹ năng diễn giải, kỹ năng lôi cuốn chú ý, kỹ năng thao tác mẫu...). Tiếp theo, giảng viên phải tạo được bầu không khí lớp học sôi nổi, tích cực bằng cách: Nêu vấn đề, hướng dẫn gợi mở để sinh viên trao đổi theo từng bước. Để cả lớp tích cực tham gia thì giảng viên có thể yêu cầu sinh viên gửi kết quả theo nhóm chat tới giảng viên, có tính tới thời gian làm bài hoặc thiết kế yêu cầu dưới dạng trắc nghiệm, trò chơi quizz kết quả có sự so sánh giữa các thành viên trong lớp. Với những bài toán dài, có yêu cầu chặt chẽ về cách trình bày thì có thể yêu cầu sinh viên trình bày cụ thể và chia sẻ (share green), thuyết trình trước cả lớp. Nếu những vấn đề lớn, đặc biệt là các chủ đề mở thì giảng viên có thể chia lớp thành các

nhóm để sinh viên thảo luận nhóm. Một số kỹ năng trong quá trình giảng dạy như trên sẽ giúp sinh viên luôn chủ động trong quá trình học và tích cực tham gia bài giảng.

Để đánh giá được hiệu quả của quá trình dạy học thì việc tự học, tự ôn bài của sinh viên là một khâu quan trọng. Với hình thức dạy học truyền thống (face to face) thì giảng viên có thể kiểm tra trực tiếp bài làm, phần chuẩn bị của sinh viên. Tuy nhiên với hình thức dạy học trực tuyến việc kiểm tra cho từng sinh viên sẽ gặp nhiều khó khăn, mất nhiều thời gian. Do đó, giảng viên nên tìm thêm các công cụ hỗ trợ cho việc giao nhiệm vụ và đánh giá quá trình tự học của sinh viên. Theo tôi, hiện nay có rất nhiều công cụ độc lập cũng như những hệ thống hoàn chỉnh giúp nâng cao hiệu quả đánh giá của giảng viên đối với sinh viên như Microsoft teem, edubit, VioEdu, Shub classroom, ... Trong đó có những phần mềm đòi hỏi người dùng mất khá nhiều thời gian để làm chủ như Microsoft teem, bên cạnh đó có những phần mềm khá đơn giản như Shub classroom. Người dùng chỉ mất rất ít thời gian nghiên cứu sử dụng. Ngay khi tiếp cận với Shub classroom tôi đã nhận ra đây là một phương tiện rất hiệu quả với giảng viên và sinh viên trong dạy học trực tuyến. Bởi việc trao đổi tài liệu học tập, giao nhiệm vụ, đánh giá thực hiện nhiệm vụ của giảng viên đối với sinh viên có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi. Kết quả đánh giá được thống kê, phân tích trực quan giúp giảng viên có căn cứ để cải tiến hoạt động giảng dạy. Người học cũng có thể thấy được những mặt còn yếu của bản thân, từ đó nỗ lực hoàn thiện bản thân. Với việc sử dụng các phần mềm đánh giá tự học này giúp sinh viên hứng thú, có động lực học tập, giúp giảng viên bao quát được năng lực học tập của lớp học, định hướng được phương pháp, nội dung học tập phù hợp.

Với một số giải pháp cụ thể đã đưa ra, Em tin rằng khi áp dụng vào giảng dạy sẽ làm tăng tính hấp dẫn của bài giảng và tính tích cực của sinh viên. Theo em, phương pháp dạy học trực tuyến sẽ ngày càng phát triển rộng rãi, kể cả sau khi hết đại dịch. Vì vậy, mỗi giảng viên cần tích cực chuẩn bị, tìm hiểu thêm các giải pháp, phương tiện hỗ trợ quá trình giảng dạy.



## KẾT LUẬN

Việc *vận dụng nguyên lý về mối liên hệ phổ biến* mang ý nghĩa rất quan trọng, đặc biệt với sinh viên để có thể phát triển và hoàn thiện bản thân.

Các cá nhân trong học tập phải biết nắm chắc cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện, để từ đó có thể vận dụng một cách sáng tạo, hợp lý. Trong quá trình học tập cần phải phân biệt các mối liên hệ, phải chú ý đến các mối liên hệ bên trong, mối liên hệ bản chất, mối liên hệ chủ yếu, mối liên hệ tất nhiên để hiểu rõ về bản chất của sự vật và có phương pháp tác động phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong sự phát triển của bản thân.

Bên cạnh đó, trong nhận thức và hành động, chúng ta cần lưu ý tới sự chuyển hóa lẫn nhau giữa các mối liên hệ ở những điều kiện xác định

Ngoài ra, cá nhân cần phải nắm rõ chương trình học và cũng phải thấy rõ khuynh hướng phát triển của chuyên ngành theo học trong thời gian sau đó, yêu cầu của xã hội đối với chuyên ngành đang học tập, nghiên cứu là gì? Xã hội hiện tại và tương lai đòi hỏi những gì, qua đó hoàn thiện bản thân, nâng cao tri thức cho phù hợp với nhu cầu của xã hội.